

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2008/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2008

THÔNG TƯ

hướng dẫn một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch vụ Internet

Căn cứ Pháp lệnh bưu chính, viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh bưu chính, viễn thông về Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên

Internet (sau đây gọi là Nghị định) đối với dịch vụ Internet như sau:

1. Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị định bao gồm các dịch vụ sau:

1.1. Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh bưu chính, viễn thông về Viễn thông;

1.2. Dịch vụ điện thoại Internet loại hình PC-to-PC trong nước và quốc tế, PC-to-Phone chiều đi quốc tế;

1.3. Dịch vụ gửi tin nhắn từ Internet vào mạng viễn thông di động và mạng viễn thông cố định.

2. Việc cung cấp và sử dụng dịch vụ điện thoại Internet thực hiện như sau:

2.1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khi cung cấp dịch vụ điện thoại Internet có trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định;

b) Chỉ được cung cấp các loại hình dịch vụ điện thoại Internet quy định tại khoản 1 điểm 1.2 Thông tư này;

c) Có hệ thống tính cước, quản lý dữ liệu khách hàng, quản lý dịch vụ đặt tại Việt Nam do doanh nghiệp vận hành, khai thác để trực tiếp cung cấp dịch vụ cho công cộng;

d) Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc thanh toán cước sử dụng dịch vụ; xác minh được và trả lời chính xác các khiếu nại của khách hàng về giá cước, thẻ, chất lượng dịch vụ.

2.2. Các tổ chức, cá nhân không được in, phát hành, bán thẻ và bán lại dịch vụ điện thoại Internet của doanh nghiệp không có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ điện thoại Internet do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Khi cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng không dây sử dụng công nghệ WLAN (dịch vụ truy nhập Internet Wifi), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm sau:

3.1. Tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định;

3.2. Thiết lập thiết bị thu phát tín hiệu vô tuyến điện sử dụng công nghệ WLAN để cung cấp vùng phủ sóng cho điểm

nóng (hotspot). Tần số và công suất phát của các thiết bị đó phải tuân theo quy định về quản lý tần số vô tuyến điện;

3.3. Thuê đường truyền dẫn viễn thông (hữu tuyến hoặc vô tuyến) của doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng để thiết lập đường truyền dẫn giữa mạng lưới thiết bị Internet của doanh nghiệp với điểm nóng.

4. Việc triển khai các trang thiết bị và phương án kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an toàn thông tin theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định thực hiện như sau:

4.1. Có phương án dự phòng cho kênh truyền dẫn, hệ thống máy chủ, thiết bị mạng, sao lưu dữ liệu, nguồn điện đảm bảo các dịch vụ được cung cấp một cách liên tục và thông suốt;

4.2. Có hệ thống trang thiết bị theo dõi, giám sát quá trình hoạt động của mạng lưới thiết bị Internet đảm bảo mạng lưới thiết bị Internet đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về mạng và chất lượng dịch vụ;

4.3. Có giải pháp và quy trình quản lý đảm bảo an toàn thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin và hướng dẫn của Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT), tối thiểu bao gồm các hệ thống sau: hệ thống theo dõi và chống xâm nhập mạng; hệ thống tường lửa có

khả năng kiểm soát truy nhập đến mức ứng dụng; hệ thống quản lý dữ liệu nhật ký kỹ thuật (log file) và hệ thống chống thư rác;

4.4. Tham gia các hoạt động ứng cứu sự cố máy tính bao gồm:

a) Báo cáo các sự cố hoặc các nguy cơ xảy ra sự cố liên quan đến an toàn mạng Internet về VNCERT trong vòng 24 giờ kể từ khi có thông tin về sự cố bằng văn bản (Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) hoặc thư điện tử (ir@vncert.vn); trang thông tin điện tử (www.vncert.gov.vn/ir.html); điện thoại (theo số điện thoại được cung cấp trên trang thông tin điện tử www.vncert.gov.vn). Mẫu biểu báo cáo được cung cấp tại trang thông tin điện tử www.vncert.gov.vn;

b) Cung cấp đầu mối liên lạc trong các hoạt động ứng cứu sự cố mạng máy tính cho VNCERT và đảm bảo đầu mối này có khả năng liên lạc 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần;

c) Tuân thủ sự điều phối đảm bảo an toàn thông tin mạng Internet của VNCERT;

4.5. Có hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ.

5. Việc thông báo thời điểm bắt đầu chính thức cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 7 Nghị định thực hiện như sau:

5.1. Hình thức thông báo: Bằng văn bản và thư điện tử.

5.2. Địa chỉ gửi thông báo:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Viễn thông) - 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; thư điện tử: vuvienthong@mic.gov.vn;

b) Bộ Công an: Cục Bảo vệ An ninh Kinh tế - Tổng cục An ninh - Bộ Công an - 15 Trần Bình Trọng, Hà Nội; thư điện tử: cucbaoveankt@vnn.vn và Phongantt@vnn.vn;

5.3. Nội dung thông báo thực hiện theo mẫu tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

6. Chế độ báo cáo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 7 Nghị định thực hiện như sau:

6.1. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông

6.1.1. Báo cáo tháng

a) Thời gian: Trước ngày 10 hàng tháng, doanh nghiệp báo cáo những thông tin của tháng trước đó.

b) Nội dung:

- Phát triển thuê bao Internet;

- Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông;

- Kết nối mạng Internet;

Các nội dung cụ thể, doanh nghiệp thực hiện báo cáo theo Phụ lục 2 của Thông tư này: Mẫu biểu báo cáo tháng về thống kê Internet gửi Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Hình thức và địa chỉ gửi báo cáo: Thực hiện qua trang thông tin điện tử <http://thongkeinternet.mic.gov.vn>. Riêng tháng 12, ngoài việc báo cáo qua trang thông tin điện tử, doanh nghiệp đồng thời gửi báo cáo bằng văn bản theo địa chỉ: Vụ Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông, 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; thư điện tử: vuvienthong@mic.gov.vn;

6.1.2. Báo cáo năm

a) Thời gian: Trước ngày 15 tháng Một hàng năm, doanh nghiệp báo cáo những thông tin của năm trước;

b) Nội dung:

- Tổng doanh thu của các dịch vụ Internet;
- Mức độ tăng trưởng hàng năm;
- Kiến nghị (nếu có);

Các nội dung cụ thể, doanh nghiệp thực hiện báo cáo theo Phụ lục 3 của Thông tư này: Mẫu biểu báo cáo năm về tình hình cung cấp dịch vụ Internet;

c) Hình thức và địa chỉ gửi báo cáo: Báo cáo bằng văn bản về Bộ Thông tin

và Truyền thông (Vụ Viễn thông): 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

6.2. Báo cáo các Sở Thông tin và Truyền thông

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm báo cáo trực tiếp hoặc hướng dẫn các chi nhánh, các đơn vị thành viên hoạt động trên địa bàn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình phát triển thuê bao và dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông cho các Sở Thông tin và Truyền thông như sau:

a) Thời gian: Trước ngày 10 hàng tháng, doanh nghiệp báo cáo những thông tin của tháng trước đó;

b) Nội dung:

- Phát triển thuê bao Internet;
- Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông;

Các nội dung cụ thể, doanh nghiệp thực hiện báo cáo theo Phụ lục 4 của Thông tư này: Mẫu biểu báo cáo tháng về thống kê Internet gửi Sở Thông tin và Truyền thông;

c) Hình thức và địa chỉ gửi báo cáo cho các Sở Thông tin và Truyền thông được thông báo trên trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (www.mic.gov.vn) và trang thông tin điện tử của các Sở Thông tin và Truyền thông;

6.3. Báo cáo chất lượng dịch vụ Internet: Các doanh nghiệp thực hiện việc báo cáo chất lượng dịch vụ Internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Chế độ báo cáo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 8 Nghị định thực hiện như sau:

7.1. Chủ mạng Internet dùng riêng quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông theo các quy định sau:

a) Thời gian:

- Trong vòng mười (10) ngày sau khi bắt đầu hoạt động;
- Trước ngày 15 tháng Một hàng năm.

b) Nội dung:

- Tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị;
- Địa chỉ đặt hệ thống thiết bị Internet;
- Phạm vi, đối tượng và danh sách cụ thể các thành viên của mạng;
- Cấu hình mạng lưới, thuê kênh, kết nối, trang thiết bị sử dụng để cung cấp dịch vụ Internet;
- Các dịch vụ Internet đang cung cấp cho các thành viên của mạng.

c) Hình thức và địa chỉ gửi báo cáo: Báo cáo bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Viễn thông):

18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

7.2. Chủ mạng Internet dùng riêng quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Sở Thông tin và Truyền thông.

8. Thời gian mở, đóng cửa của đại lý Internet quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Nghị định thực hiện như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể thời gian mở, đóng cửa của đại lý Internet tại địa phương mình quản lý trên cơ sở phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

9. Quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định được hiểu như sau:

Người sử dụng dịch vụ Internet được sử dụng dịch vụ truy nhập Internet và các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội trên cơ sở đảm bảo không vi phạm các quy định tại Điều 6 Nghị định, các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

Các dịch vụ bị cấm là các dịch vụ mà pháp luật không cho phép cung cấp và sử dụng (không phân biệt là trên mạng hay trong thực tế) được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

10. Việc thiết lập và hoạt động của Trạm trung chuyển Internet quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định phải tuân thủ các quy định sau:

10.1. Các doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ kết nối Internet được thiết lập các trạm trung chuyển Internet để trung chuyển lưu lượng Internet trong nước giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet với nhau và với mạng Internet dùng riêng.

10.2. Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) và trạm trung chuyển Internet của các doanh nghiệp không được trung chuyển lưu lượng giữa các mạng Internet dùng riêng với nhau.

11. Hoạt động của VNIX quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định thực hiện như sau:

11.1. Nguyên tắc kết nối vào VNIX:

a) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet và các mạng Internet dùng riêng có giấy phép do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 14 Nghị định được kết nối vào VNIX;

b) Mạng lưới thiết bị Internet kết nối vào VNIX phải sử dụng số hiệu mạng và địa chỉ IP độc lập do Trung tâm Internet Việt Nam cấp phát và quản lý;

c) Tuyên truyền dẫn, thiết bị sử dụng

để kết nối đến VNIX phải tương thích về mặt kỹ thuật với cổng kết nối VNIX theo hướng dẫn của Trung tâm Internet Việt Nam;

d) Việc thiết lập mạng lưới thiết bị Internet và thuê kênh để kết nối vào VNIX thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông.

11.2. Trung tâm Internet Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thiết lập và quản lý VNIX;

b) Thực hiện các quy định tại Khoản 4 Thông tư này;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet và mạng Internet dùng riêng kết nối vào VNIX theo quy định;

d) Thu và sử dụng kinh phí đóng góp vào việc phát triển và duy trì VNIX trên cơ sở giá thành đảm bảo cho VNIX hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận;

đ) Thực hiện hạch toán riêng phần hoạt động của VNIX.

11.3. Doanh nghiệp kết nối vào VNIX có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các hướng dẫn nghiệp vụ của Trung tâm Internet Việt Nam;

b) Phối hợp với Trung tâm Internet Việt Nam trong việc đảm bảo cho VNIX hoạt động an toàn và có hiệu quả;

c) Thực hiện kết nối ngang hàng, bình đẳng, không phân biệt đối xử; không được ngăn chặn các thông tin trong nước đi vào, ra mạng lưới thiết bị Internet của mình qua VNIX nhằm đảm bảo cho người sử dụng Internet có thể sử dụng các dịch vụ Internet theo quy định của pháp luật;

d) Đóng góp kinh phí hoạt động theo quy định.

12. Đổi giấy phép

12.1. Tất cả các doanh nghiệp đã được cấp phép cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet phải tiến hành làm thủ tục đổi giấy phép trong thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực.

12.2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép mới phù hợp với các quy định tại Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet thay thế cho tất cả các giấy phép mà doanh nghiệp đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet;

12.3. Thời hạn của giấy phép mới được xem xét trên cơ sở thời hạn còn hiệu lực lâu nhất của một trong các giấy phép mà doanh nghiệp đã được cấp;

12.4. Loại hình dịch vụ ghi trong giấy phép mới bao gồm danh sách các dịch vụ doanh nghiệp đang cung cấp và các dịch vụ doanh nghiệp cam kết sẽ triển khai cung cấp trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày (các) giấy phép cấp theo Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 được ban hành;

12.5. Trong thời gian làm thủ tục đổi giấy phép theo quy định tại Khoản này, doanh nghiệp vẫn tiếp tục hoạt động bình thường;

12.6. Hồ sơ xin đổi giấy phép bao gồm:

- a) Đơn đề nghị đổi giấy phép;
- b) Bản sao các giấy phép đang có hiệu lực;
- c) Báo cáo hiện trạng triển khai (các) giấy phép đã được cấp bao gồm: thời gian bắt đầu triển khai; sơ đồ mạng lưới hiện tại; các dịch vụ đang cung cấp và phạm vi cung cấp từng dịch vụ; các dịch vụ ghi trong (các) giấy phép mà doanh nghiệp chưa cung cấp nhưng cam kết sẽ triển khai cung cấp trong thời gian 2 năm kể từ ngày (các) giấy phép cấp theo Nghị

định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 được ban hành.

12.7. Đối với các dịch vụ đã được cấp phép nhưng chưa có văn bản cho phép chính thức cung cấp cho công cộng theo quy định tại Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, doanh nghiệp phải thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 5 Thông tư này.

13. Hiệu lực thi hành:

13.1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

13.2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét giải quyết./

BỘ TRƯỞNG

Lê Doãn Hợp

Phụ lục 1

THÔNG BÁO CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET

Kính gửi: - Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Viễn thông);
- Tổng cục An ninh (Cục Bảo vệ an ninh kinh tế).

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở:
3. Họ tên, chức danh, đơn vị công tác, số điện thoại, địa chỉ email của người đại diện có thẩm quyền.
4. Giấy phép đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp:
 - + Số giấy phép:
 - + Ngày tháng cấp giấy phép:
 - + Ngày tháng hết hiệu lực:
5. Ngày tháng bắt đầu chính thức cung cấp dịch vụ:
6. Loại hình dịch vụ cung cấp:
7. Phạm vi, đối tượng cung cấp dịch vụ:
8. Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ của đơn vị:
 - + Địa chỉ 1:
 - + Địa chỉ 2:
 - +

9. Sơ đồ mạng lưới thiết bị:
10. Thuê kênh và kết nối theo từng hướng:
- + Dung lượng đường truyền:
 - + Thuê của công ty:
11. Loại thẻ dự kiến phát hành (nếu có):
- + Tên thẻ:
 - + Hình thức thẻ:
 - + Mệnh giá thẻ:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

MẪU BIỂU BÁO CÁO THÁNG GỬI BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

BÁO CÁO THỐNG KÊ VỀ MẠNG LƯỚI VÀ DỊCH VỤ INTERNET

Tháng..../200....

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số giấy phép..... cấp ngày..... có hiệu lực đến ngày.....

I. PHÁT TRIỂN THUÊ BAO INTERNET (1):

TT	Hình thức truy nhập Tỉnh, thành	Thuê bao Internet gián tiếp		Thuê bao xDSL (3)				Thuê bao điện thoại di động sử dụng Internet (5)	Thuê bao Leased line (Quy đổi ra 64kpbs)	Thuê bao CATV	Thuê bao FTTH	Thuê bao khác (6)
		Trả trước (2)	Trả sau	Cá nhân	Cơ quan, tổ chức	Điểm công cộng						
						Đại lý	Điểm BDVH xã					
1												

TT	Hình thức truy nhập Tỉnh, thành	Thuê bao Internet gián tiếp		Thuê bao xDSL (3)				Thuê bao điện thoại di động sử dụng Internet (5)	Thuê bao Leased line (Quy đổi ra 64kpbs)	Thuê bao CATV	Thuê bao FTTH	Thuê bao khác (6)	
		Trả trước (2)	Trả sau	Cá nhân	Cơ quan, tổ chức	Điểm công cộng							
						Đại lý	Điểm BDVH xã						Điểm truy nhập khác (4)
2													
3													
4													
...													

- (1) Báo cáo tổng số thuê bao đang tồn tại và đang hoạt động tính đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo tháng.
- (2) Kê cả bằng thẻ trả trước và bằng mã truy nhập qua mạng điện thoại.
- (3) Chỉ tính thuê bao đến các tổ chức, cá nhân là người sử dụng cuối (end user).
- (4) Các điểm truy nhập công cộng khác tại cấp xã, phường như trạm y tế, thư viện, trường học, ...
- (5) Máy điện thoại cầm tay, điện thoại cố định CDMA,...
- (6) Trường hợp có thuê bao khác cần ghi rõ là loại hình thuê bao gì, ví dụ như Wifi, Wimax...

II. DỊCH VỤ ỨNG DỤNG INTERNET TRONG VIỄN THÔNG

1. Các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông đang cung cấp:
2. Dịch vụ thư điện tử:
 - Tổng số hộp thư điện tử (account):

3. Dịch vụ gửi tin nhắn từ Internet vào mạng viễn thông di động/mạng viễn thông cố định

- Số lượng khách hàng (account):

4. Dịch vụ điện thoại Internet:

- Tên miền trang chủ cung cấp dịch vụ:

- Loại hình dịch vụ điện thoại Internet đang cung cấp:

- Địa điểm đặt các máy chủ cung cấp dịch vụ: (ghi rõ số nhà, tên đường phố, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố)

- Tổng lưu lượng điện thoại Internet:

- Số lượng và các loại thẻ điện thoại Internet đang phát hành:

+ Thẻ trả trước: (số lượng, tổng lưu lượng theo phút)

+ Thẻ trả sau: (số lượng, tổng lưu lượng theo phút)

III. KẾT NỐI MẠNG INTERNET

1. Kết nối quốc tế:

TT	Hướng kết nối (1)	Điểm kết nối (2)	Phương thức kết nối (3)	Băng thông kết nối (Mbps)
1				
2				
3				
....				

2. Kết nối trong nước:

TT	Hướng kết nối (1)	Điểm kết nối (2) (tỉnh, thành)	Phương thức kết nối (3)	Băng thông kết nối (Mbps)
1				
2				
3				
....				

(1) Hướng kết nối quốc tế ghi rõ doanh nghiệp nước ngoài và tên nước kết nối đến, ví dụ NTT-JAPAN, HUTCHISON-HONGKONG.... Hướng kết nối trong nước ghi doanh nghiệp hoặc đơn vị trong nước kết nối đến, ví dụ FPT, VDC, VNIX....

(2) Ghi rõ tỉnh, thành phố kết nối đến, ví dụ Tokyo, Hà Nội...

(3) Ghi rõ cáp quang trên đất liền, cáp quang biển, vệ tinh....

NGƯỜI LẬP BIỂU:

- Họ tên, đơn vị công tác, số điện thoại, địa chỉ email
- Ký (đối với trường hợp báo cáo bằng văn bản)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

- Họ tên, chức vụ
- Ký tên, đóng dấu (trường hợp báo cáo bằng văn bản)

MẪU BIỂU BÁO CÁO NĂM GỬI BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.... tháng... năm....

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

BÁO CÁO NĂM VỀ TÌNH HÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET

Năm 200...

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số giấy phép..... cấp ngày..... có hiệu lực đến ngày.....

1. Doanh thu của các dịch vụ Internet

Loại hình dịch vụ	Truy nhập Internet							Ứng dụng Internet trong VT		Kết nối Internet
	Gián tiếp	xDSL	Mobile Internet	Leased line	CATV	FTTH	Vệ tinh	Điện thoại Internet	Nhắn tin giữa mạng Internet và mạng di động/cố định	
Doanh thu										

Tổng doanh thu:

2. Mức độ tăng trưởng

Mức độ tăng trưởng	Năm báo cáo so với năm trước	Dự kiến năm sau so với năm báo cáo
Thuê bao		
Doanh thu tất cả các dịch vụ Internet		

3. Kiến nghị (nếu có)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phụ lục 4
MẪU BIỂU BÁO CÁO THÁNG GỬI SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông (tên tỉnh/thành phố):...

BÁO CÁO THỐNG KÊ VỀ MẠNG LƯỚI VÀ DỊCH VỤ INTERNET

Tháng... /200...

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số giấy phép..... cấp ngày..... có hiệu lực đến ngày.....

I. PHÁT TRIỂN THUÊ BAO INTERNET (1):

TT	Hình thức truy nhập Quận, huyện, thị xã	Thuê bao Internet gián tiếp		Thuê bao xDSL (3)			Thuê bao điện thoại di động sử dụng Internet (5)	Thuê bao Leased line (Quy đổi ra 64kpbs)	Thuê bao CATV	Thuê bao FTTH	Thuê bao khác (6)	
		Trả trước (2)	Trả sau	Cá nhân	Cơ quan, tổ chức	Điểm công cộng						
						Đại lý						Điểm BDVH xã
1												
2												
3												
4												
...												

- (1) Báo cáo tổng số thuê bao đang tồn tại và đang hoạt động tính đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo tháng.
- (2) Kể cả bằng thẻ trả trước và bằng mã truy nhập qua mạng điện thoại.
- (3) Chỉ tính thuê bao đến các tổ chức, cá nhân là người sử dụng cuối (end user).
- (4) Các điểm truy nhập công cộng khác tại cấp xã, phường như trạm y tế, thư viện, trường học, ...
- (5) Máy điện thoại cầm tay, điện thoại cố định CDMA, ...
- (6) Trường hợp có thuê bao khác cần ghi rõ là loại hình thuê bao gì, ví dụ như Wifi, Wimax...

II. DỊCH VỤ ỨNG DỤNG INTERNET TRONG VIỄN THÔNG

1. Các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông đang cung cấp:
2. Dịch vụ thư điện tử:
 - Tổng số hộp thư điện tử (account):
3. Dịch vụ gửi tin nhắn từ Internet vào mạng viễn thông di động/mạng viễn thông cố định
 - Số lượng khách hàng (account):
4. Dịch vụ điện thoại Internet:
 - Tên miền trang chủ cung cấp dịch vụ:
 - Loại hình dịch vụ điện thoại Internet đang cung cấp:
 - Địa điểm đặt các máy chủ cung cấp dịch vụ: (ghi rõ số nhà, tên đường phố, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố)
 - Tổng lưu lượng điện thoại Internet:
 - Số lượng và các loại thẻ điện thoại Internet đang phát hành:
 - + Thẻ trả trước: (số lượng, tổng lưu lượng theo phút)
 - + Thẻ trả sau: (số lượng, tổng lưu lượng theo phút)

NGƯỜI LẬP BIỂU:

- Họ tên, đơn vị công tác, số điện thoại, địa chỉ email
- Ký (đối với trường hợp báo cáo bằng văn bản)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

- Họ tên, chức vụ
- Ký tên, đóng dấu (trường hợp báo cáo bằng văn bản)